

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2022
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình về ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Tấn Phát

2. Bà Bùi Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 242/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Số 118/5 hẻm 31 Đường C, khu phố N, phường T, thành phố H, tỉnh TN. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Mai Văn N, sinh năm: 1969; Địa chỉ: 118/50 hẻm 31 Đường C, khu phố N, phường T, thành phố H, tỉnh TN. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà Trần Thị T và ông Mai Văn N chung sống vợ chồng từ năm 1991, đăng ký kết hôn nhưng bị mất và đăng ký kết hôn lại số 50 ngày 25/7/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H nay là phường T, thành phố H, tỉnh TN. Theo bà T, thời gian đầu vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nhưng do bà nhẫn nhịn vì con còn nhỏ nên gia đình cũng hòa thuận. Trong cuộc sống thường ngày, ông N là người thích kiểm soát về vấn đề tiền bạc, mọi thu nhập trong gia đình ông N quản lý. Ông N thu nhập ít lại ít chăm lo cho gia đình, nhà cửa, đất đai phần lớn

do bà T tạo lập nên. Khi con chung của hai vợ chồng trưởng thành, lập gia đình, bà lo cưới xin, làm nhà cửa cho con có thiếu tiền thì bà T đi vay mượn để làm và tự trả, ông N không phụ giúp, ngược lại còn vì những việc này mà day nghiến, kiếm chuyện với bà T. Thời gian gần đây, bà T không cho ông N quản lý thu nhập của bà T nữa nên ông N càng gây gổ với bà thường xuyên hơn. Hiện nay, hai vợ chồng không nói chuyện, không ăn uống sinh hoạt chung. Bà T nhận thấy không còn tình cảm gì với ông N nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà Tg và ông N có tất cả 04 người con chung là Mai Văn T1, sinh năm 1991, Mai Thanh T2, sinh năm 1994, Mai Văn D, sinh năm 1996 và Mai Văn T3, sinh năm 2001. Tất cả các con đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Mai Văn N không gửi bản tự khai, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày:

+ Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Bà T và ông Năm chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn số 50 ngày 25/7/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H nay là phường T, thành phố H, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân của bà T với ông N là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông N không hợp tác, không đến Tòa án làm việc thể hiện ông N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T, qua đó cho thấy, ông N và bà T đã có mâu thuẫn trầm trọng trong mối quan hệ hôn nhân. Tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông N không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho T được ly hôn với ông N.

Con chung: Bà T và ông Năm có 04 người con chung là Mai Văn T1, sinh năm 1991, Mai Thanh T2, sinh năm 1994, Mai Văn D, sinh năm 1996 và Mai Văn T3, sinh năm 2001. Tất cả các con đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua kết quả thẩm tra các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị T khởi kiện ông Mai Văn N về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông N cư trú tại thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Mai Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Mai Văn N chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn số 50 ngày 25/7/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H nay là phường T, thành phố H, tỉnh TN nên quan hệ hôn nhân của bà T với ông N là hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình vì vậy quan hệ hôn nhân của ông N và bà T được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà T về việc được ly hôn với ông N: Bà T và ông N đã có thời gian chung sống hôn nhân với nhau trên 30 năm. Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông N đã xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân là do ông N sống không có trách nhiệm với gia đình, thích kiểm soát kinh tế, không chăm lo vun vén cho gia đình như mục đích ban đầu của hôn nhân. Hiện nay, các con chung của ông bà đề đã trưởng thành, ít áp lực kinh tế hơn thời các con còn nhỏ đáng ra ông bà phải có nhiều thời gian ở bên nhau, yêu thương gắn bó với nhau nhiều hơn để vui vẻ hưởng tuổi già nhưng ngược lại ông, bà lại mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng tới mức sống chung nhà nhưng không nói chuyện, không quan tâm tới đời sống của nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, thể hiện ông N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T để tiếp tục xây gia đình dựng gấm bó về sau. Qua đó cho thấy, bà T và ông N đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa họ không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, cho bà T được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung: Bà T và ông N có tất cả 04 người con chung là các anh chị Mai Văn T1, sinh năm 1991, Mai Thanh T2, sinh năm 1994, Mai Văn D,

sinh năm 1996 và Mai Văn T3, sinh năm 2001. Tất cả các con đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với ông Mai Văn N về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”.

Cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Mai Văn N.

Bà Trần Thị Tg và ông Mai Văn N chấm dứt quan hệ vợ chồng. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50 ngày 25/7/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H nay là phường T, thành phố H, tỉnh TN **hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.**

2. Về con chung: Tất cả đã thành niên nên không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001376 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- THADS thành phố Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND phường T, TP. H;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thanh Hoa